



yòng yǔ

用语

noun · wording; terminology

Example Sentences

tā de yòng yǔ hěn lǐ mào
他的用语很礼貌。

His wording is very polite.

fǎ lǜ yòng yǔ bì xū zhǔn què wú wù
法律用语必须准确无误。

Legal terminology must be precise and error-free.

rì cháng yòng yǔ hé shū miàn yòng yǔ yǒu hěn dà qū bié
日常用语和书面用语有很大区别。

Everyday language and written language are quite different.

Trace each character, then write the word on your own.

用	用	用	用	用	用	用	用				
语	语	语	语	语	语	语	语	语	语	语	语
语											